

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

“V/v tranh chấp ly hôn,
yêu cầu nuôi con ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành
2. Ông Phan Văn Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2019/QĐXX-ST ngày tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp 18, xã V, huyện P, tỉnh B

Bị đơn: Anh Anh Trần Thanh B, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện Ph, tỉnh B

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1972
- Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với Anh Trần Thanh B vào 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nay tính tình không còn hợp với nhau, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc. Xét thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với Anh Trần Thanh B. Vợ chồng chị có 01 người con chung

tên Trần Bình T, sinh ngày 22/12/2017, hiện cháu Bình T đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu Bình T, không yêu cầu Anh Trần Thanh B cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung vợ chồng chị có 8.5 chỉ vàng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Thanh B trình bày:

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Bản tự khai của chị M, biên bản lấy lời khai của chị M, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của cháu Trần Bình T, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị M và Anh Trần Thanh B; Đơn xác nhận nơi cư trú của Anh Trần Thanh B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình đúng theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa chị

Về nội dung: Chị M và Anh Trần Thanh B xây dựng hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và Anh Trần Thanh B đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với Anh Trần Thanh B; Về con chung: Chị M có yêu cầu nuôi cháu Trần Bình T, sinh ngày 22/12/2017, cháu Bình T đang trực tiếp sinh sống cùng chị M, trong thời gian ly thân Anh Trần Thanh B cũng không thăm nom cháu, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao cháu Bình T cho chị M nuôi dưỡng, giáo dục; Chị M không yêu cầu Anh Trần Thanh B cấp dưỡng nuôi con, từ đó không xem xét giải quyết. Anh Trần Thanh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2018 chị M xác định vợ chồng chị có nợ Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền vay là 38.200.000 đồng, và nợ Công Ty Tài Chính TNHH MB SHINSEI (Mcredit) số tiền vay là 21.000.000đ, chị M yêu cầu chia nợ chung theo quy định của pháp luật. Ngày 01/3/2019 chị M có đơn yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện chia nợ chung, không yêu cầu giải quyết về nợ chung, xét thấy việc rút đơn của chị M là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 11 tháng 12 năm 2018 chị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Trần Thanh B và yêu cầu nuôi con chung; chị M đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Tòa án đã thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và Anh Trần Thanh B xây dựng hôn nhân vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Đông vào năm 2015, thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo chị M xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị M và Anh Trần Thanh B tại địa phương thì xác định được vợ chồng chị M, Anh Trần Thanh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Trong thời gian ly thân Anh Trần Thanh B cũng không có hành động hàn gắn hôn nhân với chị M. Từ đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị M và Anh Trần Thanh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M ly hôn với Anh Trần Thanh B.

[3] Về quan hệ con chung: Thời kỳ hôn nhân thì giữa chị M và Anh Trần Thanh B có một người con chung là cháu Trần Bình T, sinh ngày 22/12/2017. Chị M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Anh Trần Thanh B cấp dưỡng nuôi con, xét thấy hiện tại cháu Bình T đang chung sống với chị M, trong thời gian ly thân Anh Trần Thanh B cũng không thăm nom chăm sóc con chung, ngoài ra để đảm bảo tâm lý cháu phát triển ổn định. Từ đó tiếp tục giao cháu Bình T cho chị M nuôi dưỡng giáo dục, Anh Trần Thanh B được phép thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Anh Trần Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị M không có yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng chị có 8.5 chỉ vàng 24k, anh B thừa nhận sự việc trên, hiện anh B thừa nhận hiện đang giữ 8.5 chỉ vàng 24k, còn bà Nh hiện đã trả lại cho anh B 0.5 chỉ vàng 24k. Xét thấy tài sản trên được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, anh B đã thừa nhận là tài sản chung và đang quản lý, Về tài sản chung của vợ chồng thì vợ chồng có quyền ngang nhau và nguyên tắc chia tài sản chung là chia đôi, từ đó chia cho chị M 4.25 chỉ vàng 24k, chia cho anh B 4.25 chỉ vàng 24k.

[5] Về nợ chung:

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng. Anh B phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng. chị M đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014231 ngày 12/12/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí chị M đã nộp đủ. Chị M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là

[7] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Anh Trần Thanh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao người con chung cháu Trần Bình T, sinh ngày 22/12/2017 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu T hàng tháng số tiền 745.000đ đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Anh Trần Thanh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con:

3. Về tài sản chung: Chia cho chị M 4.25 chỉ vàng 24k, chia cho anh B tài sản chung là 4.25 chỉ vàng 24k. Anh B đang quản lý tài sản trên buộc anh B phải giao lại cho chị M 4 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24k.

4. Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị M đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014231 ngày 12/12/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí chị M đã nộp đủ.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- UBND xã Q
- Các đương sự
- Lưu

Hồ Huỳnh Tố Hiền